

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 04/2022/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2022
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và bà Ngô Thị Kim Thêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2021/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX - ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang tạm trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (có mặt);

Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y vào ngày 02/10/2017. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình

nhà anh S ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh S nghiện ngập, chơi bời, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh S không chịu sửa đổi. Đỉnh điểm tháng 7 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị bỏ đi ở nơi khác, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau. Tháng 11 năm 2021 anh S bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Lạc để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh S đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Bị đơn là anh Bùi Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị ngày 07/12/2021, anh S trình bày: Anh xác định về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như lời trình bày trên của chị T là đúng. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, anh S xác định là do anh có chơi bời, nghiện ngập và không quan tâm chăm lo cho gia đình. Anh bị nghiện ma túy từ năm 2009 đến nay. Tháng 7 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị T bỏ đi ở nơi khác nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hiện nay anh bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Lạc về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh S đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Văn Bảo N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện tại cháu N đang ở với chị T. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu N và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng đồng ý để chị T nuôi cháu N và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị T trình bày: Hiện nay, chị đang mở cửa hàng bán bánh và thu nhập đủ để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, anh S đang bị tạm giam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu N. Chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định

của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt theo đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Bùi Văn S. Giao con chung là cháu Bùi Văn Bảo N, sinh ngày 20/01/2019 cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị T và anh S. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Bùi Văn S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh S đều thừa nhận, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Y. Anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Bùi Văn S là bị đơn trong vụ án đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên anh S không thể tham gia phiên tòa được, vì vậy anh S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị T xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Căn cứ vào lời trình bày của chị T và anh S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện,

không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị T và anh S đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh S nghiện ngập, chơi bời, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Tháng 7 năm 2021, chị T bỏ đi ở nơi khác nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cả chị T và anh S không ai tìm biện pháp gắn kết lại tình cảm mà chọn cách sống buông xuôi, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Khi chị T xin ly hôn, anh S đồng ý ngay. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xác định, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị T được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S đều thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Văn Bảo N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện tại cháu N đang ở với chị T. Ly hôn, chị T và anh S đều có nguyện vọng để chị T nuôi cháu N, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi dạy và chăm sóc các con vừa là quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Tuy nhiên tại thời điểm này, anh S đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con chung của chị T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu N cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2/ Về con chung: Giao con chung là Bùi Văn Bảo N, sinh ngày 20/01/2019 cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Bùi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh S.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001104 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh